

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110902201 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005	C26TH		5,0	Năm phần trăm	
2	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006	C26TH		5,0	Năm phần trăm	
3	2410010005	Trần Phúc Anh	27/02/2006	C26TH				
4	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	C26TH		8,9,2	Chín phần trăm	
5	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	C26TH		9,2	Chín phần trăm	
6	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006	C26TH		9,2	Chín phần trăm	
7	2410010025	Trần Nhựt Bằng	11/01/2005	C26TH		8,9	Tám phần trăm	
8	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006	C26TH		8,9	Tám phần trăm	
9	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	C26TH		5,0	Năm phần trăm	
10	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006	C26TH		8,4	Tám phần trăm	
11	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004	C26TH		8,4	Tám phần trăm	
12	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995	C26TH		6,6	Sáu phần trăm	
13	2410010011	Hồ Văn Hoành	31/05/2006	C26TH		9,4	Chín phần trăm	
14	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006	C26TH		7,3	Bảy phần trăm	
15	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	C26TH		8,9	Tám phần trăm	
16	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006	C26TH		6,0	Sáu phần trăm	
17	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	C26TH		8,0	Tám phần trăm	
18	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004	C26TH		8,9	Tám phần trăm	
19	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	C26TH		9,2	Chín phần trăm	
20	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006	C26TH		8,9	Tám phần trăm	
21	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006	C26TH		8,3	Tám phần trăm	
22	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	C26TH		8,9	Tám phần trăm	
23	2410010038	Son Tôn Nguyên	04/09/2006	C26TH		5,6	Năm phần trăm	
24	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	C26TH		8,9	Tám phần trăm	
25	2410010003	Lê Văn Nhựt	08/12/2006	C26TH		9,2	Chín phần trăm	
26	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	C26TH		9,2	Chín phần trăm	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006	C26TH		9,4	Chín phẩy tư	
28	2410010032	Nguyễn Thanh Sang	14/08/2006	C26TH		6,1	Sáu phẩy một	
29	2410010030	Nguyễn Đông Hoàng Thế	14/8/2006	C26TH		5,0	Năm phẩy không	
30	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006	C26TH		9,4	Chín phẩy tư	
31	2410010024	Nguyễn Tấn Triết	16/06/2006	C26TH		9,2	Chín phẩy hai	
32	2410010040	Lê Công Vinh	03/03/2006	C26TH		8,4	Tám phẩy tư	
33	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993	C26TH		8,9	Tám phẩy chín	
34	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/8/2006	C26TH		9,3	Chín phẩy ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Chí Dũng

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phụng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902201 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005	C26TH	<i>As</i>	5,0	Năm phẩy không	
2	2410010039	Dương Nguyễn Quốc Anh	08/06/2006	C26TH	<i>Anh</i>	5,0	Năm phẩy không	
3	2410010005	Trần Phúc Anh	27/02/2006	C26TH				
4	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	C26TH	<i>ba</i>	9,1	Chín phẩy một	
5	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	C26TH	<i>Ba</i>	9,0	Chín phẩy không	
6	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006	C26TH	<i>Bao</i>	8,8	Tám phẩy tám	
7	2410010025	Trần Nhựt Bằng	11/01/2005	C26TH	<i>By</i>	8,1	Tám phẩy một	
8	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006	C26TH	<i>Cuong</i>	8,1	Tám phẩy một	
9	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	C26TH	<i>Du</i>	7,9	Bảy phẩy chín	
10	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006	C26TH	<i>Duy</i>	8,5	Tám phẩy năm	
11	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004	C26TH	<i>Dat</i>	8,7	Bảy phẩy bảy	
12	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995	C26TH	<i>Hau</i>	8,7	Tám phẩy bảy	
13	2410010011	Hồ Văn Hoành	31/05/2006	C26TH	<i>Huanh</i>	9,0	Chín phẩy không	
14	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006	C26TH	<i>Khang</i>	7,9	Bảy phẩy chín	
15	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	C26TH	<i>Khang</i>	8,9	Tám phẩy chín	9,0
16	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006	C26TH	<i>Khang</i>	8,1	Tám phẩy một	
17	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	C26TH	<i>Kh</i>	9,0	Chín phẩy không	
18	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004	C26TH	<i>Kien</i>	8,5	Tám phẩy năm	
19	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	C26TH	<i>Kiet</i>	8,7	Tám phẩy bảy	
20	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006	C26TH	<i>Loi</i>	9,0	Chín phẩy không	
21	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006	C26TH	<i>Nam</i>	8,8	Tám phẩy tám	
22	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	C26TH	<i>Nghia</i>	8,7	Tám phẩy bảy	
23	2410010038	Son Tôn Nguyên	04/09/2006	C26TH	<i>Nguyen</i>	7,5	Bảy phẩy năm	
24	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	C26TH	<i>Nhan</i>	8,7	Tám phẩy bảy	
25	2410010003	Lê Văn Nhựt	08/12/2006	C26TH	<i>Nhut</i>	9,0	Chín phẩy không	
26	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	C26TH	<i>Quyên</i>	9,1	Chín phẩy một	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006	C26TH	<i>Quyền</i>	9,1	Chín phẩy một	
28	2410010032	Nguyễn Thanh Sang	14/08/2006	C26TH	<i>Sang</i>	7,6	Bảy phẩy sáu	
29	2410010030	Nguyễn Đông Hoàng Thế	14/8/2006	C26TH	<i>Thế</i>	7,7	Bảy phẩy bảy	
30	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006	C26TH	<i>Toàn</i>	9,1	Chín phẩy một	
31	2410010024	Nguyễn Tấn Triết	16/06/2006	C26TH	<i>Triết</i>	9,0	Chín phẩy không	
32	2410010040	Lê Công Vinh	03/03/2006	C26TH	<i>Vinh</i>	9,6	Chín phẩy sáu	
33	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993	C26TH	<i>Vinh</i>	9,0	Chín phẩy không	
34	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/8/2006	C26TH	<i>Vy</i>	9,0	Chín phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Tham Chi Dung

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Nhung

PHÒNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902201 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Dung	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		9,9	Chín phẩy chín	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		9,8	Chín phẩy tám	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		9,8	Chín phẩy tám	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		9,2	Chín phẩy hai	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		9,8	Chín phẩy tám	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		8,4	Tám phẩy tư	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		9,0	Chín phẩy không	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
13	2410110024	Đầy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		6,8	Sáu phẩy tám	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		9,8	Chín phẩy tám	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		9,2	Chín phẩy hai	L2
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		9,2	Chín phẩy hai	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		9,2	Chín phẩy hai	
23	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		9,0	Chín phẩy không	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		9,8	Chín phẩy tám	
26	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		9,0	Chín phẩy không	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110003	Lê Duy	Trình	24/7/2005	C26KT		9,8	Chín phẩy tám	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT		9,1	Chín phẩy một	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT		9,8	Chín phẩy tám	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT		9,0	Chín phẩy không	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT		8,1	Tám phẩy một	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

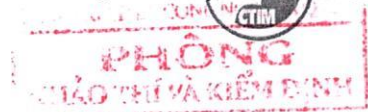
Phạm Anh Dung

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phụng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902201 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		9,3	Chín phần ba	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		9,6	Chín phần sáu	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		10,0	Mười phần không	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/8/2001	C26KT		9,6	Chín phần sáu	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		9,9	Chín phần chín	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		9,3	Chín phần ba	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		9,0	Chín phần không	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		8,7	Tám phần bảy	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		8,3	Tám phần ba	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		8,6	Tám phần sáu	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/6/2006	C26KT		8,3	Tám phần ba	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		9,0	Chín phần không	
13	2410110024	Đầy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		9,4	Chín phần tư	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		9,1	Chín phần một	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		9,4	Chín phần tư	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		9,3	Chín phần ba	
17	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	28/12/1994	C26KT		8,5	Tám phần năm	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		9,6	Chín phần sáu	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		9,1	Chín phần một	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		9,6	Chín phần sáu	L2
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		9,6	Chín phần sáu	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		9,6	Chín phần sáu	
23	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		7,4	Bảy phần tư	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,5	Tám phần năm	
25	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		9,3	Chín phần ba	
26	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		9,4	Chín phần tư	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/7/2005	C26KT		9,3	Chín phẩy ba	
28	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT		8,8	Tám phẩy tám	
29	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT		9,3	Chín phẩy ba	
30	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT		8,8	Tám phẩy tám	
31	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT		9,4	Chín phẩy tư	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Chí Dũng

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902201 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010137	Nguyễn Tuấn Kiệt	28/10/2003	C24TH4		8,2	Tám phẩy hai	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Anh Dũng

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022
Mã lớp học phần: 24311MH110902201 Số tín chỉ: 2
Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương - (04114)
Ngày thi: Giờ thi: Phòng thi:

Giám thị 1: Ký tên:
Giám thị 2: Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010137	Nguyễn Tuấn Kiệt	28/10/2003	C24TH4		7,5	Bảy phẩy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : vắng thi: . Số bài thi: / .

Ngày 14 tháng 6 năm 2025
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Chí Dũng

Ngày 14 tháng 6 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương

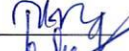
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Giám thị 1: Phan Thành Tường

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110902201

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Giám thị 3: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên: 

Ngày thi: 22/07/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410010043	Lương Nguyễn Quốc An	19/04/2005					C26TH	
2	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006					C26TH	
3	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006					C26TH	
4	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006					C26TH	
5	2410010025	Trần Nhựt Bằng	11/01/2005					C26TH	
6	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006					C26TH	
7	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000					C26KT	
8	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004					C26TH	
9	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006					C26TH	
10	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004					C26TH	
11	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006					C26KT	
12	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996					C26KT	
13	2410110001	Fa Ti Hách	16/8/2001					C26KT	
14	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004					C26KT	
15	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006					C26KT	
16	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995					C26TH	
17	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006					C26KT	
18	2410010011	Hồ Văn Hoành	31/05/2006					C26TH	
19	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006					C26KT	
20	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006					C26TH	
21	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004					C26TH	
22	2410010026	Phạm Nguyên Khang	26/07/2006					C26TH	
23	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006					C26TH	
24	2410010046	Nguyễn Trung Kiên	13/09/2004					C26TH	
25	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006					C26TH	
26	2210010137	Nguyễn Tuấn Kiệt	28/10/2003					C24TH4	
27	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005					C26KT	
28	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006					C26TH	
29	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006					C26KT	
30	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/6/2006					C26KT	
31	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006					C26TH	
32	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006					C26TH	
33	2410010038	Sơn Tôn Nguyên	04/09/2006					C26TH	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	<i>Như</i>				C26TH	
35	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006	<i>Nhi</i>				C26KT	
36	2410110024	Đấy Minh Như	13/07/2006	<i>Như</i>				C26KT	
37	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	<i>Như</i>				C26KT	
38	2410010003	Lê Văn Nhựt	08/12/2006	<i>Nhựt</i>				C26TH	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 03 . Số bài thi/Số tờ: 35 / 35 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Như
Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Mười
Mai Lan Nhung

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Pháp luật

Mã bài thi: T5S7JG

Thời gian thi: 22/07/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 22/07/2025 10:30:00

Giám thị 1: Phan Thúc Sỹ Ký tên: Phan Thúc Sỹ

Giám thị 2: Ngô Văn Dũng Ký tên: Ngô Văn Dũng

Giám thị 3: Nguyễn Văn Hòa Ký tên: Nguyễn Văn Hòa

Giám thị 4: Nguyễn Văn Hòa Ký tên: Nguyễn Văn Hòa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410010025	Trần Nhật Bằng	11/01/2005	<u>Trần Nhật Bằng</u>	4.8	Bốn, tám	C26TH	
2	2410010019	Võ Lê Hoàng Bảo	23/06/2006	<u>Võ Lê Hoàng Bảo</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TH	
3	2410010017	Nguyễn Gia Bảo	05/12/2006	<u>Nguyễn Gia Bảo</u>	7.2	Bảy, hai	C26TH	
4	2410010041	Nguyễn Chí Bảo	02/09/2006	<u>Nguyễn Chí Bảo</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TH	
5	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006	<u>Lâm Chí Cường</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TH	
6	2410010044	Nguyễn Thành Đạt	12/12/2004	<u>Nguyễn Thành Đạt</u>	6	Sáu	C26TH	
7	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	<u>Cao Thị Ngọc Dung</u>	8.6	Tám, sáu	C26KT	
8	2410010015	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	10/12/2004	<u>Nguyễn Huỳnh Anh Duy</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TH	
9	2410010016	Phạm Minh Duy	07/02/2006	<u>Phạm Minh Duy</u>	4.6	Bốn, sáu	C26TH	
10	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	<u>Văn Đỗ Thuận Giang</u>	9.6	Chín, sáu	C26KT	
11	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	<u>Fa Ti Hách</u>	9.2	Chín, hai	C26KT	
12	2410110004	Bạch Văn Hai	22/02/1996	<u>Bạch Văn Hai</u>	9.4	Chín, bốn	C26KT	
13	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	<u>Phan Thị Ngọc Hân</u>	8.8	Tám, tám	C26KT	
14	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	<u>Nguyễn Thị Ngọc Hạnh</u>	9.2	Chín, hai	C26KT	
15	2410010035	Trần Nguyễn Phúc Hậu	04/11/1995	<u>Trần Nguyễn Phúc Hậu</u>	7.2	Bảy, hai	C26TH	
16	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	<u>Nguyễn Phụng Minh Hoàng</u>	8.4	Tám, bốn	C26KT	
17	2410010011	Hồ Văn Hoàn	31/05/2006	<u>Hồ Văn Hoàn</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TH	
18	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	<u>Nguyễn Phan Xuân Hương</u>	8	Tám	C26KT	
19	2410010018	Võ Hoàng Khải	30/05/2006	<u>Võ Hoàng Khải</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TH	
20	2410010028	Châu Gia Khang	29/06/2006	<u>Châu Gia Khang</u>	6	Sáu	C26TH	
21	2410010008	Nguyễn Duy Khang	01/12/2004	<u>Nguyễn Duy Khang</u>	8.4	Tám, bốn	C26TH	
22	2410010029	Huỳnh Anh Kiệt	03/11/2006	<u>Huỳnh Anh Kiệt</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TH	
23	2210010137	Nguyễn Tuấn Kiệt	28/10/2003	<u>Nguyễn Tuấn Kiệt</u>	5.6	Năm, sáu	C24TH4	
24	2410010036	Nguyễn Thành Lợi	27/02/2006	<u>Nguyễn Thành Lợi</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TH	
25	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	<u>Võ Phi Long</u>	8.8	Tám, tám	C26KT	
26	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	<u>Trần Thảo Ly</u>	7.2	Bảy, hai	C26KT	
27	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	<u>Vũ Ngọc Thảo My</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
28	2410010021	Nguyễn Phương Nam	21/08/2006	<u>Nguyễn Phương Nam</u>	5	Năm	C26TH	
29	2410010031	Võ Thành Nghĩa	15/03/2006	<u>Võ Thành Nghĩa</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TH	
30	2410010038	Sơn Tôn Nguyên	04/09/2006	<u>Sơn Tôn Nguyên</u>	4.6	Bốn, sáu	C26TH	
31	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006	<u>Nguyễn Lê Hữu Nhân</u>	7	Bảy	C26TH	
32	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006	<u>Nguyễn Ngọc Yến Nhi</u>	6.2	Sáu, hai	C26KT	
33	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	<u>Nguyễn Võ Quỳnh Như</u>	7.2	Bảy, hai	C26KT	
34	2410110024	Đầy Minh Như	13/07/2006	<u>Đầy Minh Như</u>	7.6	Bảy, sáu	C26KT	
35	2410010003	Lê Văn Nhật	08/12/2006	<u>Lê Văn Nhật</u>	8.2	Tám, hai	C26TH	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 35

Số sinh viên đạt: 35

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Mai Lan-Ming



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Mã lớp học phần: 24311MH110902201

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Ngày thi: 22/07/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Phạm Quang Sáng

Ký tên:

Giám thị 2: Trần Thị Tuyền

Ký tên:

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006					C26KT	
2	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006					C26KT	
3	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006					C26TH	
4	2410010023	Đinh Văn Quyền	03/06/2006					C26TH	
5	2410010032	Nguyễn Thanh Sang	14/08/2006					C26TH	
6	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc Sang	28/12/1994					C26KT	
7	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006					C26KT	
8	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006					C26KT	
9	2410010030	Nguyễn Đông Hoàng Thế	14/8/2006					C26TH	
10	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006					C26KT	
11	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006					C26KT	
12	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006					C26KT	
13	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003					C26KT	
14	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006					C26TH	
15	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006					C26KT	
16	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004					C26KT	
17	2410010024	Nguyễn Tấn Triết	16/06/2006					C26TH	
18	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006					C26KT	
19	2410110003	Lê Duy Trinh	24/7/2005					C26KT	
20	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006					C26KT	
21	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006					C26KT	
22	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006					C26KT	
23	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004					C26KT	
24	2410010040	Lê Công Vinh	03/03/2006					C26TH	
25	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993					C26TH	
26	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/8/2006					C26TH	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: 24 / _____

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Lan Phương

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Pháp luật

Mã bài thi: G27MLS

Thời gian thi: 22/07/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 22/07/2025 10:30:00

Giám thị 1: Phạm Q. Văn Ký tên: Phạm Q. Văn

Giám thị 2: Trần T. Huyền Ký tên: Trần T. Huyền

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	<u>Oanh</u>	6.6	Sáu, sáu	C26KT	
2	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	<u>Quyên</u>	9.2	Chín, hai	C26KT	
3	2410010009	Trần Lê Kim Quyên	29/09/2006	<u>Quyên</u>	8.4	Tám, bốn	C26TH	
4	2410010023	Đinh Văn Quyên	03/06/2006	<u>Quyên</u>	4	Bốn	C26TH	
5	2410010032	Nguyễn Thanh Sang	14/08/2006	<u>Sang</u>	4.2	Bốn, hai	C26TH	
6	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	<u>Sương</u>	8.8	Tám, tám	C26KT	
7	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	<u>Thảo</u>	8	Tám	C26KT	
8	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	<u>Thu</u>	8.2	Tám, hai	C26KT	
9	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	<u>Thư</u>	8	Tám	C26KT	
10	2410110018	Bùi Ngọc Thùy Tiên	28/10/2006	<u>Tiên</u>	7.6	Bảy, sáu	C26KT	
11	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	<u>Tiến</u>	8	Tám	C26KT	
12	2410010007	Ngự Trung Toàn	12/11/2006	<u>Toàn</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TH	
13	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	<u>Trâm</u>	8.2	Tám, hai	C26KT	
14	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	<u>Trâm</u>	8	Tám	C26KT	
15	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	<u>Triết</u>	8.4	Tám, bốn	C26KT	
16	2410010024	Nguyễn Tấn Triết	16/06/2006	<u>Triết</u>	3.8	Ba, tám	C26TH	
17	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005	<u>Trinh</u>	8.8	Tám, tám	C26KT	
18	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006	<u>Trúc</u>	7.4	Bảy, bốn	C26KT	
19	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006	<u>Tuyền</u>	8.8	Tám, tám	C26KT	
20	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	<u>Uyên</u>	7.6	Bảy, sáu	C26KT	
21	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	<u>Vi</u>	6.4	Sáu, bốn	C26KT	
22	2410010040	Lê Công Vinh	03/03/2006	<u>Vinh</u>	5	Năm	C26TH	
23	2410010004	Võ Thành Vinh	23/12/1993	<u>Vinh</u>	7.8	Bảy, tám	C26TH	
24	2410010006	Nguyễn Ngọc Phương Vy	19/08/2006	<u>Vy</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TH	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 24

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Q. Văn
Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Q. Văn
Mai Lan Mỹ